

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán gói thầu hoàn thành
Công trình: Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV (1959 - 1975) tại Nâm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn I. Gói thầu số 3: Xây dựng các điểm di tích, công tường rào và cầu qua suối; Gói thầu số 8: Xây dựng bãi đỗ xe, đường giao thông, đường vào các khu di tích, khu quảng trường; Gói thầu số 9: Phòng chống mối mọt cho công trình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 53/TTr-STC ngày 21 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán gói thầu hoàn thành:

1. Công trình: Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV (1959 - 1975) tại Nâm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn I. Gói thầu số 3: Xây dựng các điểm di tích, công tường rào và cầu qua suối; Gói thầu số 8: Xây dựng bãi đỗ xe, đường giao thông, đường vào các khu di tích, khu quảng trường; Gói thầu số 9: Phòng chống mối mọt cho công trình.

2. Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông.

3. Đơn vị thi công:

3.1. Gói thầu số 03: Công ty cổ phần khách sạn du lịch Trường Giang.

3.2. Gói thầu số 8: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Hải Bình và Công ty cổ phần Hà Nam.

3.3. Gói thầu số 9: Công ty TNHH đầu tư xây dựng Đông Hưng Thịnh.

4. Địa điểm: Xã Nâm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

5. Thời gian thi công:

5.1. Gói thầu số 03: Xây dựng các điểm di tích, công tường rào và cầu qua suối.
Ngày khởi công: 16/10/2012; ngày hoàn thành: 10/4/2013.

5.2. Gói thầu số 8: Xây dựng bãi đỗ xe, đường giao thông, đường vào các khu di tích, khu quảng trường.

Ngày khởi công: 16/6/2011; ngày hoàn thành: 14/5/2013.

5.3. Gói thầu số 9: Phòng chống mối cho công trình.

Ngày khởi công: 22/10/2012; ngày hoàn thành: 25/3/2013.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
Tổng số	18.698.353.000	18.706.982.000	-8.629.000
- Ngân sách nhà nước	18.698.353.000	18.706.982.000	-8.629.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	28.007.902.000	18.698.353.000
- Chi phí xây dựng	22.510.579.000	17.260.492.000
- Chi phí thiết bị	368.500.000	0
- Chi phí quản lý dự án	477.517.000	0
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.202.585.000	1.046.177.000
- Chi phí khác	1.434.918.000	132.565.000
- Chi phí bồi thường, GPMB	269.144.000	259.119.000
- Chi phí dự phòng	744.659.000	0

Tổng chi phí đầu tư được quyết toán bằng chữ: Mười tám tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
Tổng số	18.698.353.000			
1- Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)	18.698.353.000			
2- Tài sản ngắn hạn	0			

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	18.698.353.000	
- Ngân sách nhà nước	18.698.353.000	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán (ngày 25 tháng 9 năm 2017) là:

- Tổng nợ phải trả: 112.448.000 đồng.
- Tổng nợ phải thu: 121.077.000 đồng.
- Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục đính kèm.

c) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu quyết toán, tính pháp lý của hồ sơ, chứng từ đã cung cấp về cơ quan thẩm tra quyết toán để thẩm tra quyết toán tiểu dự án này.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	18.698.353.000	0
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông	18.698.353.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Trách nhiệm của Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn giám sát: Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng tài sản và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH (U).



Nguyễn Bôn

CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC THẨM TRA

(Kèm theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**CÔNG TRÌNH: TU BỎ, TÔN TẠO DI TÍCH LỊCH SỬ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN B4 - LIÊN TỈNH IV (1959 - 1975) TẠI NĂM NUNG, TỈNH ĐẮK NÔNG (GIAI ĐOẠN I). GÓI THẦU SỐ 3: XÂY DỰNG CÁC ĐIỂM DI TÍCH, CÔNG TƯỜNG RÀO VÀ CẦU QUA SÚI; GÓI THẦU SỐ 8: XÂY DỰNG BÃI ĐỖ XE, ĐƯỜNG GIAO THÔNG, ĐƯỜNG VÀO CÁC KHU DU TÍCH, KHU QUẢNG TRƯỜNG;
GÓI THẦU SỐ 9: PHÒNG CHỐNG MỐI MỘT CHO CÔNG TRÌNH**

STT	Nội dung công việc	TMDT được duyệt	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Giá trị đã được thanh toán	Tăng (+); Giảm (-) so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết	Phải trả	Phải thu	Ghi chú
	Tổng số	28.007.902.000	18.760.759.000	18.698.353.000	18.706.982.000	-62.406.000	112.448.000	121.077.000	
1	Chi phí xây dựng	22.510.579.000	17.395.347.000	17.260.492.000	17.371.544.000	-134.855.000	0	111.052.000	
1.1	Gói 3: Xây dựng các điểm di tích, công tường rào và cầu qua suối		14.055.888.000	13.978.430.000	14.039.755.000	-77.458.000	0	61.325.000	
1.2	Gói 8: Xây dựng bãi đỗ xe, đường giao thông, đường vào các khu di tích, khu quảng trường		2.101.604.000	2.045.413.000	2.093.934.000	-56.191.000	0	48.521.000	
1.3	Gói 9: Phòng chống mối một cho công trình		1.237.855.000	1.236.649.000	1.237.855.000	-1.206.000	0	1.206.000	
2	Chi phí thiết bị	368.500.000	0	0	0	0	0	0	
3	Chi phí quản lý dự án	477.517.000	0	0	0	0	0	0	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.202.585.000	1.046.176.000	1.046.177.000	1.046.177.000	1.000	0	0	
4.1	Chi phí khảo sát phân xây dựng		298.430.000	298.431.000	298.431.000	1.000	0	0	
4.2	Chi phí khảo sát tuyến cắm mốc giới xây dựng phục vụ thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán		94.067.000	94.067.000	94.067.000	0	0	0	
4.3	Chi phí rà phá bom mìn		223.736.000	223.736.000	223.736.000	0	0	0	
4.4	Chi phí lập dự án đầu tư		30.000.000	30.000.000	30.000.000	0	0	0	
4.5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự		0	0	0	0	0	0	
4.5.1	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Xây dựng các điểm di tích, công tường rào và cầu qua suối, bãi đỗ xe, đường giao thông, đường vào các khu di tích, khu quảng trường		157.000.000	157.000.000	157.000.000	0	0	0	
4.5.2	Chi phí lập dự toán điều chỉnh		22.899.000	22.899.000	22.899.000	0	0	0	



STT	Nội dung công việc	TMDT được duyệt	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Giá trị đã được thanh toán	Tăng (+); Giảm (-) so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết	Phải trả	Phải thu	Ghi chú
4.5.3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán bổ sung		108.459.000	108.459.000	108.459.000	0	0	0	
4.6	Chi phí đánh giá tác động môi trường		111.585.000	111.585.000	111.585.000	0	0	0	
5	Chi phí khác	1.434.918.000	60.117.000	132.565.000	20.117.000	72.448.000	112.448.000	0	
5.1	Lệ phí thẩm định dự án		3.330.000	3.330.000	3.330.000	0	0	0	
5.2	Chi phí bảo hiểm công trình		0	0	0	0	0	0	
5.2.1	Chi phí bảo hiểm gói thầu số 3: Xây dựng các điểm di tích, công trường rào và cầu qua suối		11.450.000	11.450.000	11.450.000	0	0	0	
5.2.2	Chi phí bảo hiểm gói thầu số 8: Xây dựng bãi đỗ xe, đường giao thông, đường vào các khu di tích, khu quảng trường		5.337.000	5.337.000	5.337.000	0	0	0	
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		40.000.000	112.448.000	0	72.448.000	112.448.000	0	
6	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	269.144.000	259.119.000	259.119.000	269.144.000	0	0	10.025.000	
6.1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB		259.119.000	259.119.000	259.119.000	0	0	0	
6.2	Chi phí thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án		0	0	10.025.000	0	0	10.025.000	
7	Chi phí dự phòng	744.659.000							